



MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Thông tin liên hệ

Địa chỉ: 15 Lý Thái Tổ - TP. Quy Nhơn

Điện thoại:

- Phó Chi cục trưởng phụ trách:

02563.894475

- Phòng Tổng hợp: 02563. 894.474

- Phòng Quản lý chất lượng:

02563.746799

Email: nafiqad.bdi@gmail.com



Nội dung báo cáo

Nội dung

I. TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

02 Nội dung

II. TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

03

III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ CHỨNG NHẬN VIETGAP HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐỐI VỚI NÔNG SẢN CHỦ LỰC CỦA CÁC XÃ

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

1. Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	
			Đối với các xã đặc biệt khó khăn (*)	Đối với các xã còn lại
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Khuyến khích	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%

2. Đánh giá thực hiện tiêu chí 13.3. thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương

Nội dung đánh giá:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản chủ lực trên địa bàn xã thực hiện truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm.
- Hồ sơ chứng thực sản phẩm nông sản chủ lực của xã được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP hoặc tương đương) được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực.
- Thời điểm cập nhật danh sách, hồ sơ yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

Đây là tiêu chí yêu cầu bắt buộc.

Theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn (tại điều 4, điều 5, điều 6) có quy định:

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

Điều 4. Yêu cầu chung đối với truy xuất nguồn gốc

1. Cơ sở phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo nguyên tắc truy xuất một bước trước - một bước sau để bảo đảm khả năng nhận diện, truy tìm một đơn vị sản phẩm tại các công đoạn xác định của quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

2. Khi có yêu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm, cơ sở phải cung cấp thông tin đã được lưu giữ về cơ sở cung cấp lô hàng nhận và cơ sở tiếp nhận lô hàng giao trong quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

3. Thực phẩm sau mỗi công đoạn phải được mã hóa, nhận diện bằng một phương thức thích hợp để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

Điều 5. Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc

Hệ thống truy xuất nguồn gốc bao gồm các nội dung chính sau:

1. Phạm vi áp dụng của hệ thống.
2. Thủ tục mã hóa, nhận diện nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh. Thủ tục mã hóa phải bảo đảm truy xuất được các thông tin cần thiết từ công đoạn sản xuất trước.
3. Thủ tục quy định việc ghi chép, nhập số liệu, dữ liệu và lưu trữ hồ sơ trong quá trình sản xuất.
4. Thủ tục thẩm tra định kỳ và cập nhật, sửa đổi, bổ sung hệ thống.
5. Thủ tục truy xuất nguồn gốc (người thực hiện, nội dung, cách thức, thời điểm triển khai).
6. Phân công trách nhiệm thực hiện.

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

Điều 6. Lưu trữ thông tin truy xuất nguồn gốc

1. Thông tin tối thiểu phải lưu trữ cho mục đích truy xuất nguồn gốc tại mỗi cơ sở đối với từng lô hàng được sản xuất, kinh doanh trong nước:
 - a) Đối với lô hàng nhận: Tên, địa chỉ và mã số (nếu có) của cơ sở cung cấp lô hàng nhận; thời gian, địa điểm giao nhận; thông tin về lô hàng (tên/chủng loại, khối lượng, mã số nhận diện);
 - b) Đối với lô hàng sản xuất: Thông tin về lô hàng sản xuất tại từng công đoạn (thời gian sản xuất, tên/chủng loại, khối lượng, mã số nhận diện lô hàng/mẻ hàng);
 - c) Đối với lô hàng giao: Tên, địa chỉ và mã số (nếu có) của cơ sở tiếp nhận lô hàng; thời gian, địa điểm giao nhận; thông tin về lô hàng (tên/chủng loại, khối lượng, mã số nhận diện).
2. Thông tin tối thiểu phải lưu trữ cho mục đích truy xuất nguồn gốc tại mỗi cơ sở nhập khẩu thực phẩm đối với từng lô hàng thực phẩm nhập khẩu, bao gồm các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và thông tin về cơ sở sản xuất, nước xuất khẩu.
3. Hệ thống quản lý dữ liệu, mã hóa các thông tin truy xuất nguồn gốc phải được lưu trữ bằng phương tiện phù hợp bảo đảm thuận lợi cho việc tra cứu và thời gian lưu trữ tối thiểu kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm thực phẩm không yêu cầu bắt buộc ghi hạn sử dụng được quy định như sau:
 - a) 06 (sáu) tháng đối với thực phẩm nông lâm thủy sản tươi sống;
 - b) 02 (hai) năm đối với thực phẩm nông lâm thủy sản đông lạnh, chế biến.
4. Trường hợp thực phẩm nông lâm thủy sản có ghi hạn sử dụng của sản phẩm, cơ sở phải lưu trữ thông tin truy xuất nguồn gốc trong thời gian tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng của lô sản phẩm.
5. Cơ sở kinh doanh bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng không bắt buộc lưu giữ thông tin về khách hàng mua.

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

3. Đánh giá thực hiện tiêu chí số 17.10. tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (Lĩnh vực QLCL ATTP ngành Nông Nghiệp)

*** Hướng dẫn thực hiện**

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
I	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu		
1	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ	Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn với cơ quan quản lý được UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp	Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực phẩm không có địa điểm cố định (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
II	Hộ gia đình, cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm		
1	Hộ gia đình, cơ sở sơ chế nhỏ lẻ	Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn với cơ quan quản lý được UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp	Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế (trừ cơ sở sơ chế nhỏ lẻ nêu tại II.1 nêu trên), chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
III	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm		
1	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định	Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn với cơ quan quản lý được UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp	Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ		
3	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn		
4	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trừ các đối tượng tại các mục III.1, III.2 và III.3 nêu trên)	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Chợ đầu mối, đấu giá nông sản	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC QLCL ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

*** Phương pháp đánh giá: Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 17.10 bao gồm:**

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh). Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở, cụ thể:

+ Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp).

+ Ngày làm Bản ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình và cơ sở.

+ Ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ quan chức năng.

TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	
			Đối với các xã đặc biệt khó khăn (*)	Đối với các xã còn lại
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Khuyến khích	Khuyến khích
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥5%	≥10%
18	Chất lượng môi trường sống	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	≥90%	≥100%

TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)



*** 2. Đánh giá thực hiện Tiêu chí 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.**

Nội dung đánh giá:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất, chế biến và thương mại sản phẩm.
- Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời



TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

3. Đánh giá thực hiện tiêu chí 13.5. tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử trên tổng số sản phẩm chủ lực của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Tỷ lệ phải đạt mức tối thiểu 10%.

Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã

*** Phương pháp đánh giá:**


- Báo cáo kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã qua kênh thương mại điện tử.
- Chứng từ minh chứng kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã qua kênh thương mại điện tử.


TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

4. Đánh giá thực hiện tiêu chí 18.4. tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm

*** Hướng dẫn thực hiện**

Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
Chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Chương trình, tài liệu tập huấn và danh sách chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm tham gia tập huấn về an toàn thực phẩm	Điều 19 Luật An toàn thực phẩm

 Yêu cầu mức đạt: 100% số chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

 Phương pháp đánh giá: Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 18.4, gồm: Chương trình, tài liệu tập huấn và danh sách tổng hợp thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh); số lượng chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm. Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LĨNH VỰC ATTP NGÀNH NÔNG NGHIỆP)

5. Đánh giá thực hiện tiêu chí 18.5. không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã

a) Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

b) Sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

c) Phương pháp đánh giá:

Cung cấp tài liệu chứng minh xã đạt chỉ tiêu 18.5, gồm:

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh). Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Thông tin liên quan đến sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã (nếu có)

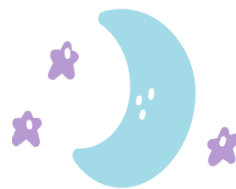
6. Đánh giá thực hiện tiêu chí tiêu chí 18.6. tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm

Nội dung đánh giá: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm khi đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật hiện hành.



NỘI DUNG 3

Một số chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và chứng nhận VietGAP hoặc tương đương đối với nông sản chủ lực của các xã.



WORK



Về hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm:

Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh, theo đó Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện về hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp hoạt động về truy xuất nguồn gốc; có lộ trình thực hiện theo 02 giai đoạn: 2021-2025 và 2026-2030.



Kế hoạch 86/KH-UBND ngày 11/11/2020 của UBND Tỉnh thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định có nội dung Lựa chọn để hỗ trợ hướng dẫn ít nhất 02 Doanh nghiệp áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.



Ngoài ra, UBND Tỉnh ban hành Quyết định 90/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đó:

Sửa đổi, Bổ sung: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000, ISO 22000, HACCP, IFS, BRC, FSSC 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận

* Bổ sung nội dung Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc (yêu cầu phải kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh hoặc quốc gia) đối với các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP được cấp có thẩm quyền công nhận (còn hiệu lực) nhưng không quá 50.000.000 đồng/sản phẩm.

Về hỗ trợ chứng nhận VietGap hoặc tương đương

Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định; *(Điều 6 Hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; đạt các giải thưởng về chất lượng quốc gia và quốc tế):* Tổ chức, doanh nghiệp khi được cấp giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và năng lượng được hỗ trợ một lần với như sau: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000 hoặc ISO 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

Về hỗ trợ chứng nhận VietGap hoặc tương đương

Quyết định số 83/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2022-2026

a) Điều kiện Hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP):

- Danh mục, quy mô diện tích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) được hỗ trợ theo Quy định này, gồm:

- + Cây trồng cạn hàng năm: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 3,0 ha;
 - + Cây ăn quả: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 2,0 ha;
 - + Cây rau các loại: Diện tích sản xuất tối thiểu liền vùng là 1,0 ha.
- Điều kiện hỗ trợ sau đầu tư và phải đáp ứng đầy đủ các quy định:
- + Cam kết áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm;
 - + Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm;
 - + Có dự án đầu tư sản xuất, các nội dung hỗ trợ phải có trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - + Có cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được phê duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước).

Về hỗ trợ chứng nhận VietGap hoặc tương đương

b) Nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP):

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí thuê tổ chức chứng nhận để đào tạo, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (cấp lần đầu hoặc cấp lại) nhưng không quá 60 triệu đồng/dự án.
- Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư (bao gồm: Thuốc bảo vệ thực vật sinh học hoặc có nguồn gốc sinh học, chế phẩm sinh học xử lý đất và xử lý phân hữu cơ) theo định mức phê duyệt cho tổ chức, cá nhân để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP, cụ thể như sau:
 - + Cây trồng cạn hàng năm: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 4 triệu đồng/ha/vụ.
 - + Cây rau các loại: Hỗ trợ tối đa 03 vụ liên tiếp nhưng không quá 5 triệu đồng/ha/vụ.
 - + Cây ăn quả: Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp nhưng không quá 8 triệu đồng/ha/năm.



thanks for
watching